

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 185/QĐ-TTg ngày 19/02/2003 về việc phê duyệt danh sách các ủy viên kiêm nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 94/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách các ủy viên kiêm nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, gồm:

- 01 Thứ trưởng Bộ Y tế,
- 01 Thứ trưởng Bộ Tư pháp,
- 01 Thứ trưởng Bộ Công an,
- 01 Thứ trưởng Bộ Ngoại giao,
- 01 Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,
- 01 Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- 01 Phó Giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia,
- 01 Phó Tư lệnh về Chính trị Bộ đội biên phòng, Bộ Quốc phòng,
- Mời 01 đồng chí Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam,

- Mời 01 đồng chí Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam,

- Mời 01 đồng chí Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,

- Mời 01 đồng chí Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em thống nhất với Thủ tướng các cơ quan liên quan quyết định danh sách cụ thể các ủy viên kiêm nhiệm Ủy ban, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan và tổ chức có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 30/2003/QĐ-TTg ngày 21/02/2003 về việc ban hành Quy chế làm việc của Đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế - thương mại quốc tế.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 116/1998/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế - thương mại quốc tế;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế, Bộ trưởng Bộ Thương mại và Trưởng Đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế - thương mại quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc của Đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế - thương mại quốc tế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Trưởng đoàn và các thành viên Đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế - thương mại quốc tế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHAI

QUY CHẾ LÀM VIỆC của Đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế - thương mại quốc tế

(ban hành kèm theo Quyết định số 30/2003/QĐ-TTg ngày 21/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ).

Điều 1. Chức năng của Đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế - thương mại quốc tế.

Đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế - thương mại quốc tế (dưới đây gọi tắt là Đoàn đàm phán Chính phủ) có chức năng chuẩn bị và tiến hành các cuộc đàm phán để Việt Nam gia nhập hoặc ký kết các điều ước quốc tế về thương mại theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, với trọng tâm trước mắt là đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Điều 2. Nhiệm vụ của Đoàn đàm phán Chính phủ.

Đoàn đàm phán Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tham gia chuẩn bị và đóng góp ý kiến cho các phương án đàm phán tổng thể để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước khi tiến hành đàm phán chính thức;

2. Chuẩn bị và tiến hành các cuộc đàm phán trong khuôn khổ phương án đàm phán đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

3. Báo cáo tổng hợp về kết quả các cuộc đàm phán được thực hiện và kiến nghị các công việc tiếp theo cần triển khai;

4. Phối hợp các Bộ, ngành để điều phối các phương án chuyên ngành phục vụ cho công tác đàm phán và triển khai kết quả đàm phán sau khi đã được Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

5. Chuẩn bị các văn kiện ghi nhận các kết quả đàm phán;

6. Thực hiện các công việc khác theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế (sau đây gọi tắt là Ủy ban).

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Đoàn đàm phán Chính phủ.

Đoàn đàm phán Chính phủ bao gồm: Trưởng đoàn, các Phó Trưởng đoàn, các thành viên, Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và bộ phận thư ký.

Điều 4. Trưởng Đoàn đàm phán Chính phủ.

Trưởng Đoàn đàm phán Chính phủ là Thứ trưởng Bộ Thương mại kiêm Tổng thư ký Ủy ban do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm; chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ trong việc chuẩn bị và tiến hành đàm phán.

Trưởng Đoàn đàm phán Chính phủ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Chỉ đạo việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch công tác hàng năm của Đoàn đàm phán Chính phủ;

2. Tổ chức và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Đoàn đàm phán Chính phủ trình Chủ tịch Ủy ban duyệt;

3. Tổng hợp các phương án, chỉ đạo phương thức đàm phán trên cơ sở phương án đàm phán đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

4. Điều hành đàm phán, là người phát ngôn chính thức của Đoàn đàm phán, chịu trách nhiệm về công tác đàm phán;

5. Yêu cầu các Bộ, ngành và cơ quan liên quan chuẩn bị và cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ đàm phán theo đúng tiến độ;

6. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban về kết quả các phiên đàm phán và kiến nghị các công việc tiếp theo cần triển khai;

7. Nhận xét về kết quả công việc của các thành viên Đoàn đàm phán Chính phủ.

Điều 5. Các Phó Trưởng Đoàn đàm phán Chính phủ.

Các Phó Trưởng Đoàn đàm phán Chính phủ là cán bộ cấp Vụ của các Bộ, ngành liên quan do Chủ tịch Ủy ban bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Trưởng đoàn, Tổng thư ký Ủy ban.

Phó Trưởng Đoàn đàm phán Chính phủ có các nhiệm vụ sau:

1. Phụ trách một số công việc chuyên môn của Đoàn đàm phán Chính phủ theo sự phân công của Trưởng đoàn;

2. Chủ trì các cuộc đàm phán riêng lẻ theo sự phân công của Trưởng đoàn;

3. Giúp Trưởng đoàn thực hiện một số nhiệm vụ nêu tại Điều 4 của Quy chế này khi được Trưởng đoàn ủy quyền.

Điều 6. Các thành viên Đoàn đàm phán Chính phủ.

1. Các thành viên Đoàn đàm phán Chính phủ là cán bộ cấp Vụ đại diện của các Bộ, ngành liên quan đến đàm phán, do các Bộ, ngành đề cử để đảm nhiệm chuyên trách công tác trong Đoàn

đàm phán Chính phủ và được Chủ tịch Ủy ban chấp thuận;

2. Các Bộ, ngành cử cán bộ tham gia Đoàn đàm phán có trách nhiệm tạo mọi thuận lợi cho cán bộ tham gia chuẩn bị và tiến hành đàm phán: dành thời gian thỏa đáng, cung cấp tài liệu và hướng dẫn cần thiết, duy trì sự tham gia Đoàn đàm phán của cán bộ đó trên cơ sở ổn định, trong trường hợp cần điều chuyển sang việc khác thì phải được phép của Thủ tướng Chính phủ và phải có người thay thế thỏa đáng;

3. Thành viên Đoàn đàm phán làm đầu mối trong vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ, ngành mình và chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng đơn vị chủ quản và Trưởng Đoàn đàm phán Chính phủ về nội dung đàm phán liên quan đến lĩnh vực chuyên môn đó;

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến đàm phán do Trưởng đoàn phân công.

Điều 7. Nhóm hỗ trợ kỹ thuật.

Thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật là chuyên viên của một số Bộ, ngành liên quan do các Bộ, ngành cử theo đề nghị của Trưởng Đoàn đàm phán Chính phủ.

Thành viên Nhóm hỗ trợ kỹ thuật có nhiệm vụ hỗ trợ về mặt kỹ thuật và chuyên môn cho Đoàn đàm phán Chính phủ theo sự phân công của Trưởng đoàn.

Các Bộ, ngành hữu quan cùng có trách nhiệm bảo đảm điều kiện làm việc cho các thành viên Nhóm hỗ trợ kỹ thuật như đối với đoàn viên đoàn đàm phán.

Điều 8. Bộ phận Thư ký của Đoàn đàm phán Chính phủ.

Bộ phận Thư ký là một bộ phận chuyên trách giúp việc cho Đoàn đàm phán Chính phủ thuộc Văn phòng Ủy ban.

Bộ phận Thư ký có các nhiệm vụ sau:

1. Giúp Trưởng đoàn chuẩn bị kế hoạch công tác của Đoàn đàm phán Chính phủ và đôn đốc các thành viên Đoàn đàm phán thực hiện các công việc được phân công theo đúng tiến độ;

2. Dự trù và quản lý kinh phí hoạt động của Đoàn đàm phán Chính phủ; thu xếp hậu cần cho các phiên đàm phán trong và ngoài nước;

3. Lưu giữ các tài liệu đàm phán; ghi biên bản và lập báo cáo trình các cấp có thẩm quyền về kết quả các phiên đàm phán; chuẩn bị các văn kiện liên quan;

4. Phối hợp hoạt động với Nhóm hỗ trợ kỹ thuật thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng đoàn.

Điều 9. Cơ chế phối hợp công tác.

1. Chuẩn bị đàm phán:

a) Các Bộ, ngành được giao làm đầu mối về thuế quan, phi thuế quan, dịch vụ, sở hữu trí tuệ và các lĩnh vực khác chủ trì xây dựng phương án cam kết cuối cùng trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

b) Đối với từng vòng đàm phán cụ thể:

- Các Bộ, ngành theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ gửi tới Bộ Thương mại phương án đàm phán thuộc lĩnh vực Bộ, ngành mình phụ trách để tổng hợp thành phương án chung trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Chủ tịch Ủy ban có trách nhiệm giúp Thủ tướng Chính phủ xem xét các phương án đó;

- Căn cứ phương án đã được phê duyệt, Trưởng Đoàn đàm phán Chính phủ xây dựng kế hoạch đàm phán với từng đối tác. Đối với những vấn đề vượt quá phạm vi đã được phê duyệt, Trưởng đoàn thống nhất ý kiến với Bộ, ngành liên quan và báo cáo Chủ tịch Ủy ban để nếu cần thì trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

c) Các Bộ, ngành có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan cho Đoàn đàm phán Chính phủ khi được yêu cầu.

2. Trong quá trình đàm phán:

a) Trưởng đoàn chủ trì đàm phán, là người phát ngôn chính thức của Đoàn. Các thành viên chỉ được quyền phát biểu khi được Trưởng đoàn chỉ định hoặc ủy quyền;

b) Trong khi đàm phán với các đối tác, trừ

Trưởng đoàn, các thành viên khác không được tự ý phát biểu và quyết định đối với bất kỳ đề nghị nào của đối tác đàm phán, chỉ được giải thích về mặt kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn mình phụ trách theo sự phân công của Trưởng đoàn;

c) Đối với những vấn đề có ý kiến khác nhau giữa Trưởng đoàn và thành viên là đại diện các Bộ, ngành thì Trưởng đoàn có quyền quyết định và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về các quyết định của mình. Các thành viên đại diện các Bộ, ngành liên quan có quyền bảo lưu ý kiến và thông báo rõ cho Trưởng đoàn biết trong cuộc họp nội bộ Đoàn gần nhất, không tranh luận với Trưởng đoàn hoặc với thành viên khác trong quá trình đàm phán. Các ý kiến bảo lưu này phải được báo cáo cho lãnh đạo cơ quan chủ quản vào thời hạn sớm nhất để giải quyết. Trong trường hợp lãnh đạo cơ quan chủ quản vẫn có ý kiến khác với Trưởng đoàn thì Thủ tướng cơ quan đó trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

d) Trưởng đoàn phải bảo đảm thông tin nhanh nhất đến các thành viên về mọi vấn đề liên quan đến đàm phán.

3. Sau từng phiên đàm phán:

a) Đoàn đàm phán họp tổng kết và đánh giá kết quả, nêu rõ những chuyển biến và những vấn đề còn vướng mắc trong cuộc đàm phán, mức thực hiện nhiệm vụ được giao, triển vọng, kiến nghị các biện pháp tiếp tục triển khai đàm phán khắc phục các vấn đề còn vướng mắc để báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

b) Các Bộ, ngành đầu mối căn cứ vào kết quả đàm phán và ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban tiến hành điều chỉnh, sửa đổi phương án đàm phán và bản chào gửi tới Bộ Thương mại để tổng hợp thành phương án trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

c) Bộ đầu mối tập hợp và gửi ngay các yêu cầu chính thức của các nước cho các thành viên liên quan, kể cả các thành viên không trực tiếp tham gia phiên đàm phán đó;

d) Các tài liệu khác nhận được trong quá trình đàm phán, nếu không cần thiết thông báo trong quá trình diễn ra đàm phán thì phải được sao gửi

cho các thành viên biết ngay sau khi kết thúc đàm phán;

đ) Các thành viên Đoàn đàm phán có trách nhiệm tuyệt đối bảo mật những thông tin, tài liệu liên quan đến đàm phán.

Điều 10. Chế độ công tác của các thành viên Đoàn đàm phán Chính phủ.

1. Các thành viên Đoàn đàm phán Chính phủ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, tuyệt đối tuân thủ sự phân công của Trưởng Đoàn đàm phán Chính phủ, thực hiện các công việc chuyên môn theo sự phân công của Trưởng Đoàn;

2. Thành viên tham gia các phiên đàm phán được hưởng các chế độ bồi dưỡng trong thời gian chuẩn bị và tiến hành các phiên đàm phán trong và ngoài nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Ủy ban;

3. Các thành viên Đoàn đàm phán Chính phủ và Nhóm hỗ trợ kỹ thuật được ưu tiên tham gia các khóa đào tạo, các đề tài nghiên cứu, các hội thảo trong và ngoài nước.

Điều 11. Kinh phí hoạt động.

Kinh phí hoạt động của Đoàn đàm phán Chính phủ được cấp từ ngân sách nhà nước và được tổng hợp chung vào tổng kinh phí hoạt động của Ủy ban./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 192/QĐ-TTg ngày 21/02/2003 về việc cử thành viên Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 70/2002/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc cử thành viên Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử ông Nguyễn Văn Rinh, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng làm thành viên Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế thay cho ông Nguyễn Huy Hiệu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và ông Nguyễn Văn Rinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

VŨ KHOAN

CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ số 02/2003/CT-TTg ngày 24/02/2003 về tăng cường công tác phòng, chống HIV/AIDS.

Hơn 10 năm qua, công tác phòng, chống HIV/AIDS đã được triển khai trong cả nước và đã thu được một số kết quả khả quan: hệ thống tổ chức phòng, chống HIV/AIDS được hình thành và